

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ  
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
THƯỜNG XUYÊN :  
TÁI TẠO DA SINH HỌC KHÔNG XÂM LẤN**

*(Ban hành theo Quyết định số 136/QĐ-PIC, ngày 10 tháng 07 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế PHOENIX)*

Phú Thọ - Năm 2025



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ  
TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX

Số.1.36/QĐ - PIC  
V/v ban hành chương trình đào tạo thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 10 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN NGHỀ: KỸ THUẬT TÁI TẠO DA SINH HỌC KHÔNG XÂM LẤN

- Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc đổi tên Trường Trung cấp Việt Nhật thành Trường cấp Quốc tế Phoenix;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/04/2025 /NQ-HĐQT ngày 12/ 04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế về Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix;
- Căn cứ Điều lệ trường Trung cấp quy định tại Văn bản hợp nhất số 1549/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 12 tháng 04 năm 2024 của bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Căn cứ Thông tư số 5828/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix;
- Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành nội dung Chương trình đào tạo thường xuyên nghề: Kỹ thuật tái tạo da không xâm lấn, tại trường Trung cấp Quốc tế Phoenix

**Điều 2:** Phòng Đào tạo, các Phòng/ Khoa chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu HC



TS. Trương Tuấn Dũng



Phú Thọ, ngày 10 tháng 07 năm 2025

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN**  
**KỸ THUẬT TÁI TẠO DA SINH HỌC KHÔNG XÂM LẤN**  
(Ban hành theo Quyết định số 136/QĐ-PIC ngày 10 tháng 07 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix)

**Tên nghề: Kỹ thuật Tái tạo da sinh học không xâm lấn**

**Trình độ đào tạo: Đào tạo thường xuyên**

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Học viên ngành chăm sóc da chuyên nghiệp.
- Chủ spa/thẩm mỹ viện
- Kỹ thuật viên làm đẹp muốn nâng cao tay nghề.
- Có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ đào tạo.**

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**

**1: Kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp**

**a. Kiến thức:**

- Hiểu rõ khái niệm và nguyên lý của thay da sinh học không xâm lấn.
- Nắm vững phân loại các loại peeling sinh học (enzyme, AHA, BHA, PHA...).
- Thành thạo quy trình thực hiện trên từng loại da và tình trạng da.
- Biết cách xử lý tai biến và chăm sóc sau điều trị.
- Có khả năng tư vấn cho khách hàng và thiết kế liệu trình phù hợp.

**b. Kỹ năng**

- Trình bày được và hiểu biết về các loại da; cấu trúc, cấu tạo, thành phần của da
- Các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn
- Trình bày được quy trình kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn .
- Trình bày được các sản phẩm dùng trong qui trình tái tạo và nuôi dưỡng da +  
Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.

**c. Thái độ:**

- Có mục tiêu nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp.
- Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng.
- Ý thức được tầm quan trọng của phương pháp Tái tạo da sinh học không xâm lấn.

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn;
- Yêu ngành, yêu nghề; thái độ học tập tích cực; rèn luyện nỗ lực;

### 2. **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu của kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn;
- Biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc và các công việc liên quan đến việc tái tạo da sinh học không xâm lấn;
- Có khả năng tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ của nghề và chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc và sản phẩm của mình.

### 3. **Cơ hội việc làm:**

- Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn. học viên có thể trực tiếp thực hiện kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn cho khách hàng;
- Là kỹ thuật viên cho các Trung tâm chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp.
- Ngoài ra còn tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC:

### 1. **Thời gian của khóa học và thời gian thực học:**

- Thời gian đào tạo: dưới 3 tháng;
- Thời gian thực học: 110 giờ;
- Thời gian học lý thuyết: 20 giờ; Thời gian học thực hành: 83 giờ, Kiểm tra: 7 giờ.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ01	Tổng quan & nguyên lý hoạt động của tái tạo da sinh học	5	5	0	0
MĐ02	Phân tích da và chỉ định/chống chỉ định.	31	5	25	1
MĐ03	Các hoạt chất trong tái tạo da sinh học (AHA, BHA, PHA, enzyme, TCA nồng độ thấp).	35	5	30	0
MĐ04	Quy trình thực hành chuẩn (chuẩn bị – thực hiện – trung hòa – dưỡng phục hồi).	19	5	13	1

MĐ05	Kết hợp tái tạo da sinh học với chăm sóc phục hồi, dưỡng ẩm, chống oxy hóa. Xử lý tai biến và chăm sóc sau trị liệu	15	5	10	0
Ôn luyện & kiểm tra		5	0	0	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>110</b>	<b>25</b>	<b>78</b>	<b>7</b>

### III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ THƯỜNG XUYỀN:

#### IV. 1. Hướng dẫn mô đun đào tạo nghề

Chương trình gồm 05 mô đun (MĐ01 – MĐ05) với tổng thời lượng 110 tiết. Nội dung được bố trí theo trình tự từ kiến thức cơ bản về tái tạo da → hoạt chất điều trị → ứng dụng chuyên sâu và xử lý biến chứng → thực hành kỹ thuật → ôn tập – kiểm tra. Các mô đun có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, trong đó phần thực hành chiếm tỷ lệ cao (80/110 tiết). Giáo viên cần tổ chức giảng dạy theo thứ tự, đồng thời kết hợp tình huống mô phỏng và ca thực tế để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho học viên.

##### a. MĐ01 – Tổng quan & Nguyên lý hoạt động của thay da sinh học

Mô đun mở đầu, cung cấp kiến thức cơ bản nhất về **nguyên lý tái tạo da sinh học không xâm lấn**, cơ chế hoạt động, và những khác biệt so với phương pháp xâm lấn.

Học viên hiểu được **cấu trúc da, chu kỳ tái tạo, cơ chế enzyme – acid sinh học**, và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả peel.

Đây là nền tảng để người học hiểu rõ cơ chế sinh học trước khi thực hành.

**Thời lượng:** 5 giờ (5 LT)

**Nội dung chính:**

- Khái niệm và mục tiêu của thay da sinh học.
- Cấu trúc và cơ chế tái tạo tự nhiên của da.
- Nguyên lý tác động của enzyme và acid sinh học lên da.
- Phân biệt peel sinh học và peel hóa học truyền thống.

##### b. MĐ02 – Phân tích da và chỉ định / chống chỉ định

Mô đun trọng tâm giúp học viên **phân tích loại da, đánh giá tình trạng da**, và xác định **chỉ định phù hợp hoặc chống chỉ định** cho phương pháp thay da sinh học.

Người học được rèn luyện kỹ năng quan sát, soi da, ghi hồ sơ khách hàng và đưa ra quyết định an toàn trước khi thao tác peel.

**Thời lượng:** 31 giờ (5 LT + 25 TH+1KT)

**Nội dung chính:**

- Cấu trúc và chức năng da.
- Phân loại da – đặc điểm sinh lý từng loại.
- Các tình trạng da thường gặp: mụn, nám, nhạy cảm, lão hóa.

- Chỉ định – chống chỉ định peel sinh học.
- Thực hành phân tích da, lập hồ sơ khách hàng.

**c. MĐ03 – Các hoạt chất trong thay da sinh học (AHA, BHA, PHA, Enzyme, TCA nồng độ thấp)**

Mô đun chuyên sâu về **thành phần và dược lý hoạt chất** trong tái tạo da sinh học.

Học viên hiểu và thực hành trực tiếp với các nhóm acid và enzyme phổ biến, biết cách **pha loãng, nhận diện nồng độ, test phản ứng da, trung hòa an toàn.**

Đây là mô đun giúp hình thành **kỹ năng lõi – xử lý thành thạo các hoạt chất peel sinh học.**

**Thời lượng:** 35 giờ (5 LT + 30 TH + 0 KT)

**Nội dung chính:**

- Phân loại hoạt chất peel sinh học.
- Đặc tính hóa học và cơ chế của nhóm AHA, BHA, PHA.
- Ứng dụng enzyme tự nhiên và TCA nồng độ thấp.
- Thực hành pha loãng, test phản ứng và trung hòa hoạt chất.

**d. MĐ04 – Quy trình thực hành chuẩn (Chuẩn bị – Thực hiện – Trung hòa – Dưỡng phục hồi)**

Mô đun kỹ thuật tổng hợp giúp học viên **thực hiện hoàn chỉnh quy trình peel sinh học không xâm lấn**, từ khâu chuẩn bị – thực hiện – trung hòa – dưỡng phục hồi.

Đây là mô đun thực hành trọng yếu, yêu cầu thao tác tỉ mỉ, chính xác và an toàn tuyệt đối.

**Thời lượng:** 19 giờ (5 LT + 13 TH + 1 KT)

**Nội dung chính:**

- Chuẩn bị môi trường, dụng cụ, sản phẩm peel.
- Thực hành quy trình peel sinh học 4 bước.
- Trung hòa và xử lý sau peel.
- Dưỡng phục hồi, hướng dẫn khách hàng sau peel.

**e. MĐ05 – Kết hợp thay da sinh học với chăm sóc phục hồi, dưỡng ẩm, chống oxy hóa – xử lý tai biến & chăm sóc sau trị liệu**

Mô đun ứng dụng nâng cao, giúp học viên **phối hợp kỹ thuật peel sinh học với các phương pháp phục hồi, dưỡng ẩm, chống oxy hóa**, đồng thời xử lý tai biến, biến chứng nhẹ và chăm sóc sau peel.

Đây là mô đun hoàn thiện kỹ năng nghề, củng cố khả năng đánh giá tình huống thực tế.

**Thời lượng:** 15 giờ (5 LT + 10 TH + 0KT)

**Nội dung chính:**

- Nguyên tắc phục hồi và dưỡng ẩm sau peel.
- Ứng dụng chất chống oxy hóa và dưỡng chất phục hồi.
- Xử lý các tai biến thường gặp sau peel.

- Thực hành quy trình phục hồi – chăm sóc sau peel.

#### **f. Ôn luyện & Kiểm tra cuối khóa**

Phần tổng kết toàn bộ chương trình, giúp học viên hệ thống hóa kiến thức, rèn luyện kỹ năng tổng hợp, xử lý tình huống nghề nghiệp và đánh giá năng lực nghề thực tế trước khi cấp chứng chỉ.

**Thời lượng:** 5 giờ (Kiểm tra: 5)

#### **Nội dung chính:**

- Ôn tập lý thuyết tổng hợp chương trình.
- Ôn luyện quy trình thực hành hoàn chỉnh.
- Kiểm tra tích hợp lý thuyết và thực hành.
- Đánh giá kết quả và tư duy nghề nghiệp.

### **4.2. HƯỚNG DẪN VỀ PHÒNG HỌC VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### **Phòng học lý thuyết:**

Trang bị đa phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, màn chiếu, bảng, máy tính, bàn ghế giáo viên và học viên.

Phòng đảm bảo diện tích, ánh sáng, thông gió, quạt mát và môi trường học tập an toàn, sạch sẽ.

Ngoài ra, nên có hình ảnh, mô hình minh họa cấu trúc da, quy trình peel sinh học để giảng viên trực quan hóa bài giảng, giúp học viên dễ hiểu, tránh giảng chay.

#### **Phòng học thực hành:**

Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị chuyên ngành: máy soi da, máy xông hơi, máy điện di lạnh/nóng, đèn LED phục hồi, khay dụng cụ, khăn, bông, mỹ phẩm peel sinh học (AHA, BHA, PHA, enzyme, TCA), dung dịch trung hòa, kem phục hồi.

Bố trí giường spa, đèn chiếu sáng, dụng cụ bảo hộ và tủ hấp tiệt trùng.

Đảm bảo đủ điều kiện ánh sáng, vệ sinh, an toàn điện và có hệ thống ngắt khẩn cấp.

### **4.3. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

#### **Đối với chương trình:**

Giáo viên tổ chức giảng dạy theo trình tự mô đun; có thể lồng ghép mô phỏng, video minh họa, thảo luận tình huống thực tế.

Tùy điều kiện đào tạo, có thể chia nhỏ mô đun để giảng dạy linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo đủ nội dung và thời lượng.

#### **Đối với giáo viên:**

Giảng viên là bác sĩ da liễu, chuyên viên peel da hoặc chuyên gia thẩm mỹ có chứng chỉ hành nghề và kinh nghiệm tối thiểu 5 năm.

Có nghiệp vụ sư phạm, chuẩn bị giáo án, giáo cụ trực quan, video minh họa, và tình huống nghề nghiệp thực tế.

Luôn đảm bảo an toàn, vô khuẩn và hướng dẫn học viên tuân thủ quy trình chuẩn.

**Đối với học viên:**

Chuẩn bị giáo trình, đồ nghề, đồng phục, bảo hộ đầy đủ.

Tuân thủ quy định học tập, thực hành đúng hướng dẫn giảng viên.

Tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi, rèn luyện kỹ năng thực hành độc lập và theo nhóm.

**6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:**

- Người học được dự kiểm tra kết thúc mô đun khi có đủ điều kiện sau:
- Tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun được quy định trong đề cương chi tiết của mô đun.
- Điểm thi kết thúc chương trình đào tạo phải đạt từ 4 điểm trở lên đối với bài thi lý thuyết và đạt từ 5 điểm trở lên đối với bài thi thực hành.
- Hình thức kiểm tra, thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được quy định trong đề cương chi tiết của môn học, mô đun.

STT	Mô đun	Hình thức kiểm tra
1	<b>MĐ01 – Tổng quan &amp; Nguyên lý hoạt động của thay da sinh học</b>	Mô đun không có bài kiểm tra riêng; giảng viên đánh giá thông qua hỏi – đáp, thảo luận và mức độ nắm kiến thức cơ bản của học viên trong giờ học.
2	<b>MĐ02 – Phân tích da và chỉ định / chống chỉ định</b>	Kiểm tra thực hành: học viên thực hiện phân tích loại da, lập hồ sơ khách hàng, xác định chỉ định/chống chỉ định peel sinh học; đánh giá thao tác và khả năng tư vấn.
3	<b>MĐ03 – Các hoạt chất trong thay da sinh học (AHA, BHA, PHA, Enzyme, TCA nồng độ thấp)</b>	Kiểm tra kết hợp lý thuyết và thực hành: học viên nhận diện hoạt chất, nêu cơ chế tác động và thực hành peel thử nghiệm (test vùng da nhỏ).
4	<b>MĐ04 – Quy trình thực hành chuẩn (Chuẩn bị – Thực hiện – Trung hòa – Dưỡng phục hồi)</b>	Kiểm tra thực hành: học viên thực hiện quy trình peel sinh học hoàn chỉnh (chuẩn bị – thực hiện – trung hòa – phục hồi); đánh giá theo tiêu chí thao tác, an toàn, trình tự.
5	<b>MĐ05 – Kết hợp thay da sinh học với phục hồi, dưỡng ẩm,</b>	Kiểm tra thực hành tổng hợp: học viên xử lý tình huống nghề nghiệp, thực hiện quy trình peel +

	<b>chống oxy hóa – xử lý tai biến &amp; chăm sóc sau trị liệu</b>	phục hồi và hướng dẫn khách hàng chăm sóc sau peel.
<b>6</b>	<b>Ôn luyện &amp; Kiểm tra cuối khóa</b>	Kiểm tra tích hợp (lý thuyết + thực hành): học viên làm bài kiểm tra viết và thực hành quy trình peel sinh học trọn vẹn; đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp.

# CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔ ĐUN

## MÔ ĐUN 01: TỔNG QUAN & NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA THAY DA SINH HỌC

### MÃ MÔ ĐUN: MĐ01

Thời lượng: 05 giờ (Lý thuyết: 05; Thực hành: 0; Kiểm tra: 0)

#### I. Vị trí, tính chất

##### Vị trí:

Mô đun mở đầu trong chương trình đào tạo “Kỹ thuật Tái tạo da sinh học không xâm lấn”.

Giúp học viên nắm vững các khái niệm cơ bản, cơ chế tác động và nguyên lý hoạt động của các phương pháp thay da sinh học, tạo nền tảng để hiểu rõ các mô đun sau (phân tích da, hoạt chất, quy trình thực hành và xử lý sau trị liệu).

##### Tính chất:

Là mô đun lý thuyết bắt buộc, cung cấp kiến thức nền về **sinh lý da, nguyên tắc tái tạo da bằng phương pháp sinh học**, đồng thời giúp người học hình thành tư duy khoa học trong việc ứng dụng công nghệ không xâm lấn.

#### II. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức:

- Hiểu rõ khái niệm và cơ chế hoạt động của thay da sinh học không xâm lấn.
- Phân biệt được thay da sinh học với các phương pháp xâm lấn khác (lăn kim, peel hóa học mạnh, laser...).
- Nắm được cấu trúc da và cơ chế tái tạo tự nhiên của tế bào da.
- Biết được những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả và an toàn của quá trình thay da sinh học.

##### 2. Kỹ năng:

- Nhận biết đúng các loại sản phẩm thay da sinh học và phạm vi tác động của từng loại.
- Đánh giá mức độ phù hợp giữa loại peel và tình trạng da.
- Vận dụng kiến thức để giải thích cho khách hàng về cơ chế và lợi ích của phương pháp.

##### 3. Năng lực:

- Hình thành tư duy kỹ thuật và chuẩn bị tốt nền tảng lý thuyết cho các mô đun thực hành sau.
- Có thái độ học tập nghiêm túc, cẩn trọng khi tìm hiểu về phương pháp tác động sinh học trên da người.

#### III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài học trong mô đun	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tổng quan về tái tạo da sinh học	2	2	0	0
2	Cấu trúc da và cơ chế tái tạo da tự nhiên	2	2	0	0

3	Nguyên lý hoạt động của thay da sinh học không xâm lấn	1	1	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

#### IV. Nội dung chi tiết các bài học

##### Bài 1: Tổng quan về tái tạo da sinh học (2 giờ – LT: 2)

- Khái niệm về thay da sinh học (Biological Peeling / Bio Rejuvenation).
- Mục tiêu: tái tạo lớp biểu bì, kích thích tăng sinh tế bào mới mà không gây tổn thương sâu.
- So sánh giữa thay da sinh học và thay da hóa học:

Tiêu chí	Thay da sinh học	Thay da hóa học
Cơ chế	Tác động enzym và acid tự nhiên	Dùng acid mạnh (TCA, phenol...)
Mức độ xâm lấn	Nhẹ, an toàn	Trung bình – sâu
Thời gian phục hồi	Nhanh, không bong tróc mạnh	Dài, có thể gây đỏ rát

- Lợi ích: cải thiện sắc tố, giảm mụn, mờ thâm, kích thích sản sinh collagen.
- Ứng dụng trong spa, thẩm mỹ viện, điều trị da không xâm lấn.

##### Bài 2: Cấu trúc da và cơ chế tái tạo da tự nhiên (2 giờ – LT: 2)

Cấu trúc ba lớp chính của da:

- **Biểu bì:** gồm 5 lớp tế bào sừng, nơi diễn ra quá trình sừng hóa và thay mới.
- **Trung bì:** chứa collagen, elastin, tuyến bã nhờn, nang lông.
- **Hạ bì:** mô mỡ, đệm nâng đỡ.

Chu kỳ thay da tự nhiên: 28–45 ngày.

Yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tái tạo da: tuổi tác, nội tiết, môi trường, dinh dưỡng.

Cơ chế sinh học của quá trình “peel”: kích thích enzyme, loại bỏ tế bào chết, tăng tuần hoàn máu và oxy đến da.

Giới thiệu các loại hoạt chất sinh học kích thích tái tạo tự nhiên (enzyme trái cây, AHA tự nhiên, acid lactic...).

##### Bài 3: Nguyên lý hoạt động của thay da sinh học không xâm lấn (1 giờ – LT: 1)

Cơ chế tác động:

1. Tác động trên bề mặt da – loại bỏ tế bào chết nhẹ nhàng.
2. Kích thích lớp đáy sinh trường tế bào mới.
3. Hoạt hóa enzyme và collagenase tự nhiên.

Phân biệt 3 cấp độ peel sinh học:

4. Peel nông: làm sáng, tẩy tế bào chết.
5. Peel trung bình: cải thiện sắc tố, mụn, nhăn nhẹ.
6. Peel sâu: tái tạo cấu trúc da lão hóa.

Lưu ý an toàn: không áp dụng cho da tổn thương, viêm nhiễm, phụ nữ mang thai, da nhạy cảm cao.  
Giới thiệu sơ đồ quy trình chuẩn bị – thực hiện – trung hòa – dưỡng phục hồi (liên kết sang MĐ04).

## MÔ ĐUN 02: PHÂN TÍCH DA VÀ CHỈ ĐỊNH / CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Mã mô đun: MĐ02

Thời lượng: 31 giờ (Lý thuyết: 5; Thực hành: 25 Kiểm tra: 1)

### I. Vị trí, tính chất

**Vị trí:**

Mô đun được bố trí sau phần kiến thức tổng quan (MĐ01), là bước trung gian giữa lý thuyết nền và kỹ thuật ứng dụng hoạt chất.

Đây là mô đun **bắt buộc** giúp học viên hình thành kỹ năng quan trọng nhất trước khi thực hành tái tạo da sinh học – **đọc hiểu, đánh giá và chẩn đoán tình trạng da**, từ đó **lựa chọn hoạt chất và quy trình peel phù hợp, an toàn**.

**Tính chất:**

Là mô đun có tính **ứng dụng cao**, kết hợp lý thuyết – thực hành song song.

Học viên được hướng dẫn quan sát, sử dụng công cụ soi da, phân tích biểu hiện lâm sàng và nhận định chỉ định/chống chỉ định trước khi thực hiện kỹ thuật peel sinh học.

### II. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức:

- Nắm vững cấu trúc sinh học, chức năng của da và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe da.
- Hiểu khái niệm phân loại da (dầu, khô, hỗn hợp, nhạy cảm, thường).
- Trình bày được các **dấu hiệu lâm sàng của tình trạng da** (mụn, nám, tăng sắc tố, sần, khô, nhăn...).
- Hiểu và phân biệt được **chỉ định và chống chỉ định** trong thay da sinh học.

#### 2. Kỹ năng:

- Phân tích da bằng mắt, tay, giấy thấm dầu và các thiết bị soi da cơ bản.
- Xác định loại da, mức độ tổn thương, độ nhạy cảm và khả năng đáp ứng peel.
- Lập hồ sơ khách hàng: ghi chép loại da, tiền sử bệnh lý, tiền sử sử dụng mỹ phẩm.
- Tư vấn và lựa chọn sản phẩm peel sinh học phù hợp từng trường hợp.

#### 3. Năng lực:

- Có khả năng đánh giá an toàn và đưa ra quyết định nghề nghiệp độc lập trong phạm vi cho phép.
- Thực hiện quy trình phân tích da và chỉ định peel đúng kỹ thuật, đảm bảo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tránh sai phạm.

### III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài học trong mô đun	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Cấu trúc và chức năng của da	6	1	5	0
2	Phân loại da và đặc điểm từng loại da	8	1	7	

3	Các tình trạng da thường gặp và phân tích biểu hiện lâm sàng	10	2	7	1
4	Chỉ định và chống chỉ định trong thay da sinh học	5	1	4	0
5	Thực hành phân tích da, lập hồ sơ khách hàng	2	0	2	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>1</b>

#### IV. Nội dung chi tiết các bài học

##### Bài 1: Cấu trúc và chức năng của da (6 giờ – LT: 1, TH: 5)

- Cấu trúc 3 lớp chính: biểu bì, trung bì, hạ bì.
- Các chức năng chính: bảo vệ – cảm giác – điều hòa nhiệt – bài tiết – tái tạo.
- Cấu trúc vi thể lớp biểu bì (lớp sừng, hạt, gai, đáy).
- Hiểu mối liên hệ giữa lớp đáy và quá trình thay da sinh học.
- Thực hành sơ đồ vẽ cấu trúc da và định vị các vùng quan trọng.

##### Bài 2: Phân loại da và đặc điểm từng loại da (8 giờ – LT: 1, TH: 7)

Phân loại da theo đặc điểm sinh lý:

- Da dầu – tuyến bã nhờn hoạt động mạnh.
- Da khô – thiếu ẩm, bong tróc.
- Da hỗn hợp – vùng chữ T dầu, hai bên má khô.
- Da thường – cân bằng tốt.
- Da nhạy cảm – dễ kích ứng, ửng đỏ.

Đặc điểm nhận biết từng loại da bằng quan sát, sờ, soi da.

Sử dụng giấy thấm dầu, đèn soi da để kiểm tra thực tế.

Thực hành phân tích loại da của học viên trong lớp.

##### Bài 3: Các tình trạng da thường gặp và phân tích biểu hiện lâm sàng (10 giờ – LT: 2, TH: 7, Kt : 1)

Nhận diện các vấn đề da:

- Da mụn (viêm – không viêm)
- Da nám – tăng sắc tố
- Da thâm sạm – thiếu sức sống
- Da lão hóa – nhăn, chảy xệ
- Da nhạy cảm – giãn mao mạch

Quan sát – mô tả biểu hiện bằng mắt và bằng thiết bị soi da.

Ghi nhận đặc điểm: vùng da bị ảnh hưởng, mức độ lan tỏa, tình trạng nhạy cảm.

Thực hành mô phỏng chẩn đoán bằng hình ảnh và khách thực hành.

##### Bài 4: Chỉ định và chống chỉ định trong thay da sinh học (5 giờ – LT: 1, TH: 4)

**Chỉ định:**

- Da xỉn màu, không đều màu.
- Da có mụn đầu đen, đầu trắng, sẹo nhẹ.
- Da khô sần, thô ráp, lỗ chân lông to.

- Da có dấu hiệu lão hóa, thiếu đàn hồi.

#### **Chống chỉ định:**

- Da đang viêm, trầy xước, bỏng nắng, đang dùng thuốc bôi retinoid.
- Phụ nữ mang thai, cho con bú.
- Người dị ứng với thành phần enzyme, acid tự nhiên.

#### **Thực hành:**

- Phân tích tình huống mô phỏng khách hàng thật – chọn “nên peel” hoặc “không nên peel”.
- Giảng viên sửa sai, hướng dẫn cách giải thích với khách hàng.

#### **Bài 5: Thực hành phân tích da và lập hồ sơ khách hàng (2 giờ – TH: 2)**

- Mục tiêu: thực hành độc lập.
- Chuẩn bị mẫu phiếu phân tích da: thông tin cá nhân – loại da – tình trạng – chỉ định/khuyến cáo.
- Thực hành soi da, ghi chép kết quả, thảo luận nhóm.
- Giảng viên đánh giá từng hồ sơ và phản hồi.

## **MÔ ĐUN 03: CÁC HOẠT CHẤT TRONG THAY DA SINH HỌC (AHA, BHA, PHA, ENZYME, TCA NỒNG ĐỘ THẤP)**

Mã mô đun: MĐ03

Thời lượng: 35 giờ (Lý thuyết: 5; Thực hành: 30; Kiểm tra: 0)

### **I. Vị trí, tính chất**

#### **Vị trí:**

Là mô đun **chuyên môn cốt lõi** trong chương trình đào tạo “Kỹ thuật Tái tạo da sinh học không xâm lấn”, được bố trí sau phần “Phân tích da và chỉ định/chống chỉ định”.

MĐ03 giúp học viên hiểu và thực hành trực tiếp với **các nhóm hoạt chất sinh học được sử dụng trong thay da không xâm lấn**, bao gồm: **AHA, BHA, PHA, Enzyme thiên nhiên và TCA nồng độ thấp**.

#### **Tính chất:**

Là mô đun **chuyên sâu – thực hành bắt buộc**, kết hợp kiến thức được học, hóa sinh da liễu và kỹ năng thực hành điều chế, pha loãng, nhận diện nồng độ, thời gian tác động, trung hòa và dưỡng phục hồi.

Học viên được rèn luyện cả **lý thuyết thành phần – thực hành thao tác – kỹ năng quan sát phản ứng da**.

### **II. Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức:**

- Hiểu rõ đặc tính hóa học, cơ chế tác động, ưu nhược điểm của từng nhóm hoạt chất.
- Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả và độ an toàn của hoạt chất (pH, nồng độ, thời gian tiếp xúc).
- Hiểu được cơ chế trung hòa, phục hồi và chăm sóc sau peel.
- Biết nguyên tắc phối hợp hoạt chất trong quy trình tái tạo da sinh học.

#### **2. Kỹ năng:**

- Nhận diện và phân biệt các nhóm hoạt chất dựa trên mùi, màu, độ nhớt, pH.
- Thực hành pha loãng, trộn, test thử trên mô hình và vùng da thử.
- Thực hiện đúng quy trình peel với từng nhóm hoạt chất và trung hòa an toàn.
- Phối hợp hợp lý hoạt chất trong cùng hoặc khác nhóm để đạt hiệu quả tối ưu.

- Ghi chép, đánh giá và xử lý tình huống khi có phản ứng kích ứng.

### 3. Năng lực:

- Vận hành độc lập quy trình peel sinh học với từng nhóm hoạt chất.
- Có khả năng giải thích và tư vấn cho khách hàng về thành phần, tác dụng và cảm giác khi sử dụng sản phẩm peel.
- Có ý thức an toàn tuyệt đối, tuân thủ quy trình vô khuẩn và đạo đức nghề nghiệp.

### III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài học trong mô đun	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tổng quan về hoạt chất thay da sinh học	4	2	2	0
2	Nhóm AHA (Alpha Hydroxy Acid): glycolic, lactic, mandelic acid	8	1	7	0
3	Nhóm BHA (Beta Hydroxy Acid) và PHA (Poly Hydroxy Acid)	8	1	7	0
4	Enzyme thiên nhiên trong thay da sinh học	6	1	5	0
5	TCA nồng độ thấp và ứng dụng trong peel sinh học	6	0	6	0
6	Kiểm tra mô đun	3	0	2	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35</b>	<b>5</b>	<b>30</b>	<b>1</b>

### IV. Nội dung chi tiết các bài học

#### Bài 1: Tổng quan về hoạt chất thay da sinh học (4 giờ – LT: 2, TH: 2)

- Phân loại hoạt chất dùng trong peel sinh học: AHA, BHA, PHA, enzyme, TCA.
- Khái niệm pH – ảnh hưởng của độ pH đến hiệu quả peel.
- Các yếu tố ảnh hưởng: loại da, nhiệt độ môi trường, thời gian lưu sản phẩm.
- Nguyên tắc sử dụng an toàn: test thử – quan sát phản ứng – trung hòa đúng thời điểm.
- Thực hành: test độ pH bằng giấy quỳ, nhận biết tính acid của các sản phẩm peel.

#### Bài 2: Nhóm AHA (Alpha Hydroxy Acid): glycolic, lactic, mandelic acid (8 giờ – LT: 1, TH: 7)

Đặc điểm: tan trong nước, tác động lớp sừng bề mặt, làm mịn và sáng da.

Các loại AHA phổ biến:

- **Glycolic acid:** phân tử nhỏ, thẩm nhanh, tác dụng mạnh.
- **Lactic acid:** dịu nhẹ, giữ ẩm, phù hợp da khô – nhạy cảm.
- **Mandelic acid:** chiết xuất hạnh nhân đắng, kháng khuẩn – trị mụn.

Cơ chế tác động: phá vỡ liên kết tế bào sừng, kích thích tái tạo biểu bì.

Thực hành:

- Pha loãng AHA theo nồng độ 10–20–30%.

- Thử trên mô hình và vùng da thử.
- Quan sát thời gian đỏ, châm chích, trung hòa đúng thời điểm.

**Bài 3: Nhóm BHA (Beta Hydroxy Acid) và PHA (Poly Hydroxy Acid) (8 giờ – LT: 1, TH: 7)**

- **BHA (Salicylic Acid):** tan trong dầu, thấm sâu vào lỗ chân lông, kháng viêm, trị mụn.
- **PHA (Gluconolactone, Lactobionic Acid):** phân tử lớn, tác động nhẹ, dưỡng ẩm cao.

So sánh đặc tính:

Tiêu chí	BHA	PHA
Độ tan	Tan trong dầu	Tan trong nước
Đối tượng	Da dầu, mụn	Da nhạy cảm, da khô
Cảm giác khi peel	Nóng nhẹ, châm chích	Ê nhẹ, dịu mát

Thực hành:

- Pha dung dịch peel BHA 2% và PHA 10%.
- Thử nghiệm trên mô hình – ghi nhận phản ứng khác biệt.
- Trung hòa bằng dung dịch kiềm loãng, so sánh hiệu quả.

**Bài 4: Enzyme thiên nhiên trong thay da sinh học (6 giờ – LT: 1, TH: 5)**

- Khái niệm: Enzyme là protein xúc tác tự nhiên có trong thực vật, trái cây (đu đủ, dưa, bí ngô, yến mạch...).
- Cơ chế tác động: phân hủy keratin chết mà không phá vỡ mô khỏe mạnh.
- Ưu điểm: an toàn, không gây bong tróc, phù hợp da nhạy cảm.
- Các loại enzyme phổ biến: Papain (đu đủ), Bromelain (dứa), Pumpkin enzyme (bí ngô).

Thực hành:

- Chuẩn bị và pha hỗn hợp enzyme tươi.
- Ủ enzyme trên vùng da mô phỏng – quan sát phản ứng.
- So sánh tốc độ làm sạch da với peel hóa học.

**Bài 5: TCA nồng độ thấp và ứng dụng trong peel sinh học (6 giờ – TH: 6)**

**TCA (Trichloroacetic Acid)** – acid hữu cơ mạnh, sử dụng trong peel trung bình – sâu.

Giới thiệu kỹ thuật peel TCA **nồng độ thấp (5–10%)** ứng dụng trong sinh học tái tạo:

- Cơ chế: phá vỡ cầu nối protein, kích thích collagen mới.
- Chỉ định: da dày, thô ráp, nám nông, sẹo nhẹ.
- Lưu ý: thời gian tác động  $\leq 3$  phút, trung hòa ngay sau phản ứng trắng da (“frosting”).

Thực hành:

- Thao tác quy trình chuẩn 4 bước: làm sạch – bôi peel – quan sát – trung hòa.
- Kiểm soát thời gian – theo dõi phản ứng – ghi chép kết quả.
- Hướng dẫn xử lý khi khách hàng bị rát, đỏ, hoặc bong sớm.

**Bài 6: Kiểm tra mô đun (3 giờ – LT: 0, TH: 2, KT: 1)**

Hình thức: kiểm tra kết hợp lý thuyết + thực hành.

- **Phần lý thuyết:** trắc nghiệm – tự luận ngắn về nhóm hoạt chất, cơ chế tác động, chỉ định.
- **Phần thực hành:** học viên lựa chọn một hoạt chất (AHA/BHA/PHA/enzyme) và thực hiện quy trình peel ngắn gọn, có trung hòa.

Tiêu chí đánh giá:

- Thao tác đúng kỹ thuật, tuân thủ an toàn: 40%.
- Hiểu cơ chế – lựa chọn hợp lý: 30%.
- Ghi chép – tư vấn – xử lý tình huống: 30%.

## MÔ ĐUN 04: QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHUẨN (CHUẨN BỊ – THỰC HIỆN – TRUNG HÒA – DƯỠNG PHỤC HỒI)

Mã mô đun: MĐ04

Thời lượng: 19 giờ (Lý thuyết: 5; Thực hành: 13; Kiểm tra: 1)

### I. Vị trí, tính chất

Vị trí:

Mô đun 04 được bố trí sau khi học viên đã hoàn thành các kiến thức về **nguyên lý tái tạo da (MĐ01), phân tích – chỉ định (MĐ02) và hoạt chất peel sinh học (MĐ03).**

Đây là **mô đun thực hành kỹ thuật tổng hợp**, giúp học viên nắm vững toàn bộ quy trình thao tác chuẩn – từ khâu chuẩn bị, thực hiện, trung hòa đến phục hồi da sau peel.

Tính chất:

Là mô đun **bắt buộc, chuyên về kỹ năng thực hành**, yêu cầu sự chính xác, tỉ mỉ, tuân thủ tuyệt đối quy trình an toàn sinh học.

Học viên được thực hành lặp lại nhiều lần trên mô hình và khách thật dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo **thành thạo quy trình peel sinh học không xâm lấn.**

### II. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức:

- Nắm vững quy trình kỹ thuật chuẩn 4 bước của thay da sinh học:  
**Chuẩn bị – Thực hiện – Trung hòa – Dưỡng phục hồi.**
- Hiểu vai trò và mối liên kết giữa từng bước trong việc đảm bảo kết quả peel và hạn chế rủi ro.
- Nắm được nguyên tắc vệ sinh, an toàn, khử khuẩn, và chăm sóc khách hàng trong suốt quy trình.

#### 2. Kỹ năng:

- Chuẩn bị đúng môi trường, dụng cụ, vật tư, và sản phẩm peel.
- Thực hiện thành thạo các thao tác: làm sạch, bôi hoạt chất, theo dõi phản ứng da, trung hòa, dưỡng ẩm.
- Sử dụng đúng lượng sản phẩm, kiểm soát thời gian peel và nhận diện dấu hiệu cần trung hòa ngay.
- Ghi chép hồ sơ dịch vụ, tư vấn và hướng dẫn khách chăm sóc sau peel.

#### 3. Năng lực:

- Có năng lực thực hành độc lập quy trình peel sinh học an toàn – hiệu quả.
- Biết phối hợp với đồng nghiệp, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thao tác.
- Hình thành tác phong chuyên nghiệp, cẩn trọng, và tuân thủ chuẩn nghề nghiệp.

### III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài học trong mô đun	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra

1	Chuẩn bị trước quy trình thay da sinh học	5	2	3	0
2	Thực hành quy trình thay da sinh học chuẩn	5	1	3	1
3	Trung hòa và xử lý sau peel	5	1	4	0
4	Dưỡng phục hồi – chăm sóc da sau peel	4	1	3	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>19</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>1</b>

#### IV. Nội dung chi tiết các bài học

##### **Bài 1: Chuẩn bị trước quy trình thay da sinh học** (5 giờ – LT: 2, TH: 3)

Mục tiêu: Giúp học viên hiểu và thực hành bước chuẩn bị an toàn, chuyên nghiệp.

##### **Nội dung:**

- Kiểm tra khu vực làm việc – ánh sáng, vệ sinh, khử khuẩn.
- Chuẩn bị dụng cụ, khay dụng cụ, khăn, bông, cốc đong, găng tay, khẩu trang.
- Chuẩn bị dung dịch tẩy trang, sữa rửa mặt, nước cân bằng, sản phẩm peel, dung dịch trung hòa, kem dưỡng phục hồi.
- Trao đổi với khách hàng: giới thiệu quy trình, hỏi tiền sử dị ứng, ký phiếu đồng ý peel.

##### **Thực hành:**

- Sắp xếp dụng cụ đúng quy trình.
- Giả lập tình huống tiếp nhận khách hàng.
- Vệ sinh tay và khu vực thao tác.

##### **Bài 2: Thực hành quy trình thay da sinh học chuẩn** (5 giờ – LT: 1, TH: 3, KT:1)

##### **Quy trình 4 bước chính:**

##### **1. Làm sạch da:**

- Dùng sữa rửa mặt dịu nhẹ, tránh làm trầy xước.
- Lau khô, thoa toner để cân bằng da.

##### **2. Thực hiện peel:**

- Bôi lớp mỏng dung dịch peel (AHA/BHA/PHA/enzyme hoặc TCA thấp).
- Dùng cọ mềm hoặc gạc y tế, bôi đều, tránh vùng mắt – môi.
- Theo dõi phản ứng: cảm giác châm chích, đỏ nhẹ.

##### **3. Quan sát phản ứng:**

- Ghi nhận thời gian peel, biểu hiện da.
- Nếu xuất hiện frosting hoặc đỏ mạnh → chuyển bước trung hòa ngay.

##### **4. Trung hòa:**

- Thoa dung dịch trung hòa nhẹ (sodium bicarbonate loãng hoặc sản phẩm trung hòa chuyên dụng).
- Dùng phản ứng, lau sạch bằng gạc lạnh.

##### **Thực hành:**

- Thực hiện đầy đủ quy trình 1 khách giả định.

- Giảng viên chấm điểm thao tác – vệ sinh – trình tự.

### **Bài 3: Trung hòa và xử lý sau peel (5 giờ – LT: 1, TH: 4)**

Mục tiêu: Biết cách trung hòa và xử lý phản ứng da an toàn.

#### **Nội dung:**

- Cơ chế trung hòa: ngừng phản ứng acid bằng dung dịch kiềm nhẹ.
- Quan sát dấu hiệu cần trung hòa sớm: trắng đục (frosting), nóng rất kéo dài.
- Cách xử lý kích ứng:
  - Rửa bằng nước lạnh.
  - Dưỡng phục hồi tức thì bằng panthenol hoặc aloe vera gel.
  - Nếu nặng, ngừng dịch vụ, hướng dẫn theo dõi tại nhà.

#### **Thực hành:**

- Thao tác trung hòa đúng trình tự.
- Giả lập tình huống “đá khách hàng phản ứng nhanh”.

### **Bài 4: Dưỡng phục hồi – chăm sóc da sau peel (4 giờ – LT: 1, TH: 3, KT: 0)**

Mục tiêu: Giúp học viên hoàn thiện kỹ năng tư vấn và chăm sóc sau peel.

#### **Nội dung:**

- Tác dụng của bước dưỡng phục hồi: tái tạo hàng rào bảo vệ da, cấp ẩm, chống oxy hóa.
- Sản phẩm thường dùng: panthenol, ceramide, hyaluronic acid, kem phục hồi, serum chống oxy hóa.
- Hướng dẫn khách hàng:
  - Tránh nắng 3–5 ngày đầu.
  - Không dùng mỹ phẩm tẩy mạnh hoặc rửa mặt bằng sữa rửa có acid.
  - Giữ ẩm – cấp nước – tránh tẩy tế bào chết trong 1 tuần.
  - Tư vấn lịch peel tiếp theo (sau 2–4 tuần tùy loại da).

#### **Kiểm tra thực hành:**

- Mỗi học viên thực hiện quy trình peel và dưỡng phục hồi hoàn chỉnh.
- Đánh giá thao tác, thời gian, mức độ an toàn, tư vấn khách hàng.

## **MÔ ĐUN 05: KẾT HỢP THAY DA SINH HỌC VỚI CHĂM SÓC PHỤC HỒI, DƯỠNG ẨM, CHỐNG OXY HÓA – XỬ LÝ TAI BIẾN & CHĂM SÓC SAU TRỊ LIỆU**

Mã mô đun: MĐ05

Thời lượng: 15 giờ (Lý thuyết: 5; Thực hành: 10; Kiểm tra: 0)

### **I. Vị trí, tính chất**

#### **Vị trí:**

Là mô đun cuối trong chuỗi đào tạo nghề “Kỹ thuật Tái tạo da sinh học không xâm lấn”.

Sau khi học viên đã nắm được quy trình peel chuẩn (MĐ04), mô đun này giúp người học **hiểu và thực hành các kỹ thuật phục hồi da, kết hợp dưỡng chất, xử lý tai biến và chăm sóc sau peel**, đảm bảo kết quả điều trị ổn định, lâu dài.

#### **Tính chất:**

Là mô đun **ứng dụng tổng hợp – thực hành nâng cao**, kết hợp kỹ năng kỹ thuật, tư duy đánh giá tình huống và tư vấn khách hàng.

Học viên được rèn luyện khả năng xử lý các phản ứng ngoài ý muốn (đỏ, rát, bong sỏm, kích ứng) và hướng dẫn khách chăm sóc da đúng quy trình hồi phục.

## II. Mục tiêu

### 1. Kiến thức:

- Nắm được nguyên tắc kết hợp peel sinh học với các phương pháp phục hồi da.
- Hiểu rõ vai trò của dưỡng ẩm, chống oxy hóa, tái tạo hàng rào bảo vệ da sau peel.
- Nhận biết các dấu hiệu tai biến – biến chứng thường gặp và phương pháp xử lý.
- Biết cách tư vấn và hướng dẫn khách hàng chăm sóc tại nhà sau liệu trình peel.

### 2. Kỹ năng:

- Phối hợp peel sinh học với sản phẩm dưỡng ẩm – phục hồi chuyên sâu.
- Thực hành các kỹ thuật làm dịu, giảm kích ứng, cấp ẩm và chống viêm.
- Thực hiện quy trình phục hồi da sau peel, hướng dẫn khách hàng chăm sóc.
- Xử lý nhanh – chính xác các tình huống tai biến nhẹ.

### 3. Năng lực:

- Có khả năng làm việc độc lập trong môi trường chuyên nghiệp, tư vấn – chăm sóc khách hàng toàn diện.
- Có năng lực đánh giá và xử lý phản ứng bất thường, đảm bảo an toàn nghề nghiệp.
- Thể hiện thái độ cẩn trọng, trách nhiệm, giao tiếp chuẩn mực trong dịch vụ thẩm mỹ – da liễu.

## III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài học trong mô đun	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Nguyên tắc phục hồi và dưỡng ẩm sau peel sinh học	4	2	2	0
2	Sử dụng dưỡng chất và chất chống oxy hóa sau peel	4	1	3	0
3	Nhận diện và xử lý tai biến sau peel sinh học	5	1	4	0
4	Thực hành quy trình phục hồi da và chăm sóc sau peel	3	1	1	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>0</b>

## IV. Nội dung chi tiết các bài học

### Bài 1: Nguyên tắc phục hồi và dưỡng ẩm sau peel sinh học (4 giờ – LT: 2, TH: 2)

Tầm quan trọng của phục hồi da sau peel:

- Tăng cường tái tạo tế bào mới, cân bằng độ ẩm, ngăn mất nước qua biểu bì (TEWL).

- Bảo vệ hàng rào da, hạn chế viêm, ngứa, bong sảy.

Nguyên tắc lựa chọn sản phẩm phục hồi:

- Thành phần dịu nhẹ, không acid, không hương liệu.
- Ưu tiên Panthenol, Ceramide, Hyaluronic Acid, Madecassoside.

Thực hành:

- So sánh hiệu quả giữa 3 loại kem phục hồi.
- Ứng dụng mặt nạ cấp ẩm lạnh sau peel.

**Bài 2: Sử dụng dưỡng chất và chất chống oxy hóa sau peel (4 giờ – LT: 1, TH: 3)**

**Chống oxy hóa:**

- Vitamin C, E, Coenzyme Q10, Niacinamide.
- Tác dụng: trung hòa gốc tự do, làm sáng, giảm viêm.

**Dưỡng ẩm sâu:**

- Hyaluronic Acid, Glycerin, Peptide tái tạo.

Cách kết hợp sản phẩm:

- Peel nhẹ (enzyme/AHA) → dưỡng ẩm cao.
- Peel trung bình (BHA/TCA thấp) → phục hồi + chống oxy hóa mạnh.

Thực hành:

- Pha serum dưỡng phục hồi.
- Thoa – massage nhẹ sau peel để tăng hấp thu dưỡng chất.

**Bài 3: Nhận diện và xử lý tai biến sau peel sinh học (5 giờ – LT: 1, TH: 4)**

**Tai biến thường gặp:**

- Đỏ rát, bong da, bong sảy, da tăng nhạy cảm, kích ứng.
- Tăng sắc tố sau viêm (PIH), nhiễm trùng nhẹ.

**Nguyên nhân:**

- Nồng độ peel cao, thời gian peel quá lâu, da nhạy cảm, không trung hòa đúng lúc.

**Xử lý:**

- Rửa ngay bằng nước lạnh hoặc dung dịch trung hòa
- Dưỡng phục hồi cấp cứu bằng panthenol hoặc kem hydrocortisone nồng độ thấp.
- Hướng dẫn khách chăm sóc – tránh nắng, không tẩy da.

**Thực hành:**

- Mô phỏng tình huống tai biến – nhóm học viên thảo luận cách xử lý.
- Giảng viên đánh giá phản ứng – cách ứng xử với khách hàng.

**Bài 4: Thực hành quy trình phục hồi da và chăm sóc sau peel (3 giờ – LT: 1, TH: 1, KT: 0)**

**Nội dung:**

- Thực hành quy trình “peel – phục hồi – dưỡng ẩm – chống oxy hóa.”
- Ứng dụng máy điện di lạnh hoặc mask LED phục hồi da.
- Hướng dẫn khách hàng: quy trình chăm sóc tại nhà, sản phẩm nên và không nên dùng.

**Kiểm tra:**

- Học viên thực hiện quy trình peel + phục hồi trên mô hình.
- Đánh giá: thao tác đúng (40%), hiệu quả phục hồi (30%), giao tiếp – hướng dẫn khách (30%).

# ÔN LUYỆN & KIỂM TRA CUỐI KHÓA

Thời lượng: 5 giờ (Lý thuyết: 0; Thực hành: 0; Kiểm tra: 5)

## I. Vị trí, tính chất

### Vị trí:

Là phần học cuối cùng trong chương trình đào tạo “Kỹ thuật Tái tạo da sinh học không xâm lấn”, được bố trí sau khi học viên hoàn thành 05 mô đun chính (MĐ01 – MĐ05).

Giai đoạn này giúp học viên củng cố toàn bộ kiến thức lý thuyết – kỹ năng thực hành, đồng thời đánh giá toàn diện năng lực nghề nghiệp trước khi kết thúc khóa học.

### Tính chất:

Là phần học tổng kết, bắt buộc, kết hợp giữa ôn tập, luyện quy trình tổng hợp và kiểm tra tích hợp lý thuyết – thực hành.

Mục tiêu là đảm bảo học viên đủ năng lực vận dụng, thao tác chuẩn xác, an toàn và tư duy đúng trong nghề “Tái tạo da sinh học không xâm lấn”.

## II. Mục tiêu

### 1. Kiến thức:

Hệ thống hóa toàn bộ nội dung 05 mô đun:

- Nguyên lý thay da sinh học không xâm lấn.
- Phân tích – đánh giá loại da, chỉ định/chống chỉ định.
- Các nhóm hoạt chất và ứng dụng thực tế.
- Quy trình peel chuẩn, trung hòa, phục hồi.
- Xử lý tai biến – chăm sóc sau trị liệu.
- Củng cố kiến thức an toàn, vệ sinh, đạo đức nghề nghiệp.

### 2. Kỹ năng:

- Thực hành thuần thục quy trình tái tạo da sinh học.
- Phối hợp hoạt chất và kỹ thuật phục hồi trong quy trình hoàn chỉnh.
- Xử lý tình huống giả định – nhận diện và khắc phục lỗi thao tác.
- Thực hiện đúng quy chuẩn an toàn – vô khuẩn trong khi thực hành.

### 3. Năng lực:

- Thực hiện độc lập quy trình thay da sinh học an toàn, hiệu quả.
- Giao tiếp – tư vấn khách hàng chuyên nghiệp, có trách nhiệm.
- Thể hiện phong thái tự tin, cẩn trọng, tuân thủ quy định và đạo đức nghề nghiệp.

## III. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên nội dung ôn luyện – kiểm tra	Thời gian (giờ)	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Ôn tập lý thuyết tổng hợp chương trình	1	0	0	1
2	Ôn luyện thực hành tổng hợp các mô đun	1	0	0	1

3	Kiểm tra lý thuyết tổng kết	1	0	0	1
4	Kiểm tra thực hành tổng kết	2	0	0	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>

#### IV. Nội dung chi tiết

##### Bài 1: Ôn tập lý thuyết tổng hợp chương trình (1 giờ – Kiểm tra: 1)

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trọng tâm 05 mô đun: nguyên lý hoạt động, phân tích da, hoạt chất, quy trình peel, phục hồi – xử lý tai biến.
- Thảo luận nhóm, hỏi đáp mở – củng cố điểm dễ sai, thuật ngữ chuyên ngành.
- Giảng viên hướng dẫn học viên chuẩn bị cho phần kiểm tra tổng kết.

##### Bài 2: Ôn luyện thực hành tổng hợp các mô đun (1 giờ – Kiểm tra: 1)

- Thực hành lại toàn bộ quy trình “peel sinh học – trung hòa – phục hồi – tư vấn khách hàng.”
- Giảng viên quan sát và chỉnh sửa thao tác cho từng học viên.
- Học viên thực hiện trên mô hình hoặc người thật (theo điều kiện thực tế).

##### Bài 3: Kiểm tra lý thuyết tổng kết (1 giờ – Kiểm tra: 1)

**Hình thức:** Trắc nghiệm + tự luận ngắn.

**Nội dung:**

- Cấu trúc da và nguyên lý thay da sinh học.
- Đặc tính các hoạt chất AHA, BHA, PHA, enzyme, TCA.
- Chỉ định – chống chỉ định – an toàn và xử lý tai biến.

**Yêu cầu đạt:**  $\geq 5/10$  điểm.

##### Bài 4: Kiểm tra thực hành tổng kết (2 giờ – Kiểm tra: 2)

**Hình thức:** Kiểm tra thực hành độc lập.

**Nội dung:**

- Thực hiện quy trình peel sinh học trọn vẹn (chuẩn bị – thực hiện – trung hòa – dưỡng phục hồi).
- Sử dụng đúng sản phẩm, đúng thao tác, đảm bảo an toàn.
- Giao tiếp, tư vấn và hướng dẫn khách hàng sau dịch vụ.

**Tiêu chí đánh giá:**

Tiêu chí	Trọng số (%)
Thao tác kỹ thuật đúng quy trình	40
Hiểu rõ nguyên lý, chọn đúng hoạt chất	30
An toàn, vệ sinh, xử lý tình huống, thái độ nghề nghiệp	30



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ  
**TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ PHOENIX**

Số. 1.2.4/QĐ - PIC

V/v thành lập hội đồng thẩm định chương trình  
đào tạo thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 08 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thường xuyên nghề Kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn

- Căn cứ luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014
- Căn cứ văn bản hợp nhất 5828/VBHN-BLĐTĐBXH năm 2019, hợp nhất Thông tư 43/2015/TT-BLĐTĐBXH (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học 2025 – 2026 và định hướng phát triển các ngành nghề đào tạo tại Trường Trung cấp Quốc tế Phoenix
- Xét nhu cầu thực tế về công tác đào tạo nghề hiện tại của xã hội và của trường,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn. Thành viên Hội đồng thẩm định chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ:

- Thẩm định tính hợp lý, khoa học, thực hiện và tính pháp lý của chương trình/ giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn.
- Đưa ra ý kiến đánh giá, chỉnh sửa và thông qua chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật tái tạo da sinh học không xâm lấn.
- Lập biên bản thẩm định, báo cáo kết quả về BGH trường theo qui định.

**Điều 3.** Hội đồng tự giải thể sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Các Ông/ Bà có tên tại Điều 1 và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.



**TS. Trương Tuấn Dũng**



**PHỤ LỤC 01**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NGHỀ  
TÁI TẠO DA KHÔNG XÂM LẤN**

(Kèm theo Quyết định số: 134./QĐ – PIC ngày 08 tháng 07 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trương Tuấn Dũng	Hiệu trưởng- Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Thị Thu	Phó Hiệu trưởng- Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Đào Văn Tiến	Cố vấn chuyên môn- Thành viên
4	Nguyễn Thùy Linh	Bác sỹ Y học cổ truyền- Thành viên
5	Đỗ Thu Thị Huế	Y sỹ Y học cổ truyền - Thành viên
6	Nguyễn Đức Việt	Bác sỹ Đông Y - Thành viên
7	Trà Đức Hiếu	Trưởng phòng Đào tạo - Thư ký



